

FACULTY SATISFACTION WITH THE COMPETENCY-BASED MEDICAL EDUCATION PROGRAM AT HAI PHONG UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Dao Thu Hong¹, Do Ngan Ha²

¹Hai Phong University of Medicine and Pharmacy - No. 72A Nguyen Binh Khiem, Gia Vien Ward, Hai Phong, Vietnam

²Hanoi Medical University - No. 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Hanoi City, Vietnam

Received: 05/11/2025

Revised: 06/01/2026; Accepted: 04/06/2026

Received: 21/03/2026

Revised: 25/05/2026; Accepted: 04/06/2026

ABSTRACT

Objectives: To describe faculty satisfaction with competency-based medical education program at Hai Phong University of Medicine and Pharmacy.

Subjects: A total of 98 lecturers involved in teaching the competency-based medical education program at Hai Phong University of Medicine and Pharmacy.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted using a structured interview questionnaire.

Results and conclusions: The overall satisfaction score of lecturers with the training program was 4.27 ± 0.55 . Among the evaluated domains, satisfaction with "Learning outcomes" received the highest score, while "Teaching organization and assessment" received the lowest, at 4.44 ± 0.55 and 3.99 ± 0.66 , respectively. There were no statistically significant differences in satisfaction score by job position, academic qualification, or teaching field. However, for the domains "Program description" and "Teaching support activities," satisfaction scores were higher among preclinical faculty compared to clinical faculty group. Additionally, lecturers' satisfaction with the training program showed a weak negative correlation with age and years of teaching experience.

Keywords: faculty satisfaction, competency-based medical education, training program.

*Corresponding author

Email: dthong@hpmu.edu.vn Phone: (+84) 948376439 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD7.5567

SỰ HÀI LÒNG CỦA GIÁNG VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Đào Thu Hồng¹, Đỗ Ngân Hà²

¹Trường Đại học Y Dược Hải Phòng - Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, phường Gia Viên, Hải Phòng, Việt Nam

²Trường Đại học Y Hà Nội - Số 1 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 05/11/2025

Ngày chỉnh sửa: 06/01/2026; Ngày duyệt đăng: 04/06/2026

Ngày nhận bài: 21/03/2026
Ngày chỉnh sửa: 25/05/2026;
Ngày duyệt đăng: 04/06/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: mô tả sự hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo bác sĩ y khoa dựa trên năng lực tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Đối tượng nghiên cứu: 98 giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo bác sĩ y khoa dựa trên năng lực của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Phương pháp nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang bằng bộ câu hỏi phỏng vấn

Kết quả và kết luận: Điểm hài lòng chung về chương trình đào tạo của giảng viên là $4,27 \pm 0,55$, trong đó hài lòng về “Chuẩn đầu ra” có điểm cao nhất, về “Tổ chức dạy học và lượng giá” có điểm thấp nhất lần lượt là $4,44 \pm 0,55$ và $3,99 \pm 0,66$, điểm hài lòng không có sự khác biệt theo vị trí công tác, trình độ chuyên môn, lĩnh vực giảng dạy. Riêng ở mục “Bản mô tả chương trình đào tạo” và “Các hoạt động hỗ trợ dạy học” điểm hài lòng của nhóm giảng viên khối Tiền lâm sàng cao hơn khối Lâm sàng. Điểm hài lòng về chương trình đào tạo có xu hướng tương quan nghịch mức độ yếu với tuổi và số năm giảng dạy của giảng viên.

Từ khóa: hài lòng của giảng viên, giáo dục y khoa dựa trên năng lực, chương trình đào tạo.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục y khoa dựa trên năng lực (Competency-based medical education – CBME) tập trung vào việc đảm bảo người học đạt được các năng lực cốt lõi để hành nghề, thay vì chỉ chú trọng vào việc truyền thụ kiến thức và thời gian học tập. [1]. Tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong xây dựng và cải thiện chương trình đào tạo là việc làm rất cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Các nghiên cứu hiện nay mới tập trung đánh giá sự hài lòng của người học về chương trình đào tạo. Nghiên cứu đánh giá của giảng viên về chương trình đào tạo còn hạn chế, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo y khoa [2],[3]. Đào tạo y khoa dựa trên năng lực đem lại năng lực cho người học, nhưng chuyển đổi từ đào tạo y khoa truyền thống sang đào tạo y khoa dựa trên năng lực là một cuộc cách mạng, giảng viên có thể được tham gia vào việc xây dựng một chương trình hiện đại, có cơ hội phát triển nhưng cũng là thách thức như khối lượng công việc, cập nhật kiến thức, kỹ năng, nguồn lực để theo kịp sự thay đổi của chương trình [4]. Vậy giảng viên hài lòng mức độ như thế nào với chương trình đào tạo y khoa dựa trên năng lực, yếu tố nào nâng cao sự hài lòng của họ, đây là vấn đề quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cũng như chất lượng môi trường giảng dạy trong các trường đại học nói chung và Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nói riêng, chúng tôi nghiên cứu đề tài với mục tiêu: *Mô tả sự hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo bác sĩ y khoa dựa trên năng lực tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, từ tháng 9/2025 đến tháng 3/2026.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Giảng viên Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã tham gia giảng dạy chương trình đào tạo (CTĐT) bác sĩ y khoa dựa trên năng lực.

2.4. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu giá trị trung bình:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{\sigma^2}{d^2}$$

σ (SD) = 0,59 [3], d = 0,12, n = 93, thực tế n = 98. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên 98 giảng viên trong tổng số danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình y khoa.

2.5. Các chỉ số nghiên cứu

- Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu: giới, tuổi, vị trí công tác, lĩnh vực giảng dạy, số năm giảng dạy.

- Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT (4 câu hỏi); Bản mô tả CTĐT (4 câu hỏi); Cấu trúc và nội dung CTĐT (8 câu hỏi);

*Tác giả liên hệ

Email: dthong@hpmu.edu.vn Điện thoại: (+84) 948376439 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD7.5567

Tổ chức dạy học và lượng giá (9 câu hỏi); Các hoạt động hỗ trợ dạy học (6 câu hỏi).

Mỗi câu hỏi có điểm đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ (1 điểm: Rất không hài lòng/ Hoàn toàn không đồng ý; 2 điểm: Không hài lòng/ Không đồng ý; 3 điểm: Trung lập; 4 điểm: Hài lòng/ Đồng ý; 5 điểm: Rất hài lòng/ Hoàn toàn đồng ý). Điểm của mỗi lĩnh vực là trung bình cộng của điểm các câu hỏi thành phần. Điểm hài lòng chung là điểm trung bình cộng của điểm các lĩnh vực [5].

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Thiết kế bộ câu hỏi phỏng vấn sự hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo bác sĩ y khoa dựa trên năng lực dựa trên tiêu chuẩn kiểm định và tham khảo các nghiên cứu trước đây. Phỏng vấn một số giảng viên để hoàn thiện công cụ. Sau đó tiến hành phỏng vấn đủ cỡ mẫu nghiên cứu. Nhập liệu và kiểm định sự tin cậy của thang đo và xử lý số liệu [3],[6].

2.7. Xử lý số liệu

Kiểm định sự tin cậy của thang đo sự hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo qua hệ số Cronbach' alpha, khi hệ số Cronbach'alpha lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến - tổng lớn hơn 0,3 thì thang đo được xem là có độ tin cậy. Phân tích và xử lý số liệu bằng các thuật toán thống kê y học với số trung bình, độ lệch chuẩn, tỷ lệ %. So sánh sự khác biệt giữa các tỷ lệ bằng test Chi bình phương, giữa hai giá trị trung bình bằng Independent sample T test., giữa nhiều giá trị trung bình bằng One way ANOVA, được thực hiện trên phần mềm SPSS 20.0.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu được giải thích rõ ràng về nghiên cứu, được bảo mật thông tin cá nhân, được quyền tự quyết tham gia hoặc rút khỏi nghiên cứu. Đề cương nghiên cứu được Hội đồng thông qua đề cương của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng phê duyệt.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đo lường độ tin cậy thang đo

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo là 0,971 (lớn hơn 0,7) thể hiện thang đo đảm bảo độ tin cậy. Hệ số tương quan biến - tổng của các biến quan sát đều từ 0,551 đến 0,88 (lớn hơn 0,3) thể hiện biến quan sát có chất lượng tốt.

3.2. Sự hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo bác sĩ y khoa dựa trên năng lực tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Bảng 1. Mức độ hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo

Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá n (%)				
I. Chuẩn đầu ra của CTĐT	1	2	3	4	5
Thể hiện tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của trường	0 (0)	0 (0)	3 (3,1)	44 (44,9)	51 (52)
Dựa trên chuẩn năng lực Bác sĩ y khoa của Bộ Y tế	0 (0)	0 (0)	6 (6,1)	41 (41,8)	51 (52)
CĐR phù hợp với mục tiêu đào tạo	0 (0)	0 (0)	8 (8,2)	42 (42,9)	48 (49)

Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá n (%)				
CĐR nêu rõ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, mức tự chủ người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp	0 (0)	0 (0)	8 (8,2)	44 (44,9)	46 (46,9)
II. Bản mô tả CTĐT					
Được công khai để người học và các bên liên quan có thể tiếp cận	0 (0)	0 (0)	5 (6,1)	30 (30,6)	62 (63,3)
Cung cấp thông tin để người học hiểu về CTĐT	0 (0)	0 (0)	8 (8,2)	32 (32,7)	58 (59,2)
Cung cấp thông tin để nhà tuyển dụng hiểu về các năng lực người học được trang bị thông qua CTĐT	0 (0)	1 (1,0)	16 (16,3)	32 (32,7)	49 (50)
Thể hiện các CĐR và cách thức đạt được CĐR	0 (0)	0 (0)	14 (14,3)	39 (39,8)	45 (45,9)
III. Cấu trúc và nội dung CTĐT					
Nội dung CTĐT có tỷ lệ hợp lý giữa KHCB, YHCS, YHLS	0 (0)	4 (4,1)	15 (15,3)	45 (45,9)	34 (34,7)
Nội dung CTĐT có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành/ lâm sàng	0 (0)	4 (4,1)	16 (16,3)	44 (44,9)	34 (34,7)
Khối lượng module/ học phần, tín chỉ của CTĐT phù hợp	0 (0)	4 (4,1)	15 (15,3)	47 (48)	32 (32,7)
Phân bố các module/học phần theo năm phù hợp	0 (0)	0 (0)	9 (9,2)	50 (51)	39 (39,8)
Các module/HP trong CTĐT có sự gắn kết nhau	0 (0)	1 (1,0)	15 (15,3)	40 (40,8)	42 (42,9)
Mỗi module/học phần đều có đóng góp rõ ràng cho việc đạt CĐR của CTĐT	0 (0)	1 (1,0)	6 (6,1)	45 (45,9)	46 (46,9)
Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp lượng giá đáp ứng CĐR	0 (0)	0 (0)	6 (6,1)	43 (43,9)	49 (50)
CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra, được đổi mới, tích hợp, cập nhật	0 (0)	1 (1,0)	6 (6,1)	44 (44,9)	47 (48)
IV. Tổ chức dạy học và lượng giá					
Sĩ số lớp học lý thuyết thuận lợi cho dạy học tích cực	4 (4,1)	7 (7,1)	31 (31,6)	36 (36,7)	20 (20,4)
Cơ sở vật chất lớp học thuận lợi cho dạy học tích cực	1 (1,0)	4 (4,1)	28 (28,6)	41 (41,8)	24 (24,5)
Sĩ số lớp học thực hành/ lâm sàng hợp lý	2 (2,0)	9 (9,2)	28 (28,6)	36 (36,7)	23 (23,5)
Trang thiết bị thực hành/ lâm sàng phù hợp	4 (4,1)	6 (6,1)	25 (25,5)	39 (39,8)	24 (24,5)
Phương pháp giảng dạy của Thầy/ Cô đáp ứng chuẩn đầu ra	1 (1,0)	0 (0)	15 (15,3)	53 (54,1)	29 (29,5)

Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá n (%)				
Tiêu chí lượng giá được thông báo từ đầu khóa học cho sinh viên	1 (1,0)	0 (0)	8 (8,2)	41 (41,8)	48 (49)
Thầy/ Cô sử dụng đa dạng phương pháp và thời điểm lượng giá	0 (0)	1 (1,0)	16 (16,3)	45 (45,9)	36 (36,7)
Lượng giá bao quát được chuẩn đầu ra module/ học phần	1 (1,0)	2 (2,0)	15 (15,3)	47 (48)	33 (33,7)
Kết quả lượng giá được phản hồi kịp thời cho sinh viên	1 (1,0)	1 (1,0)	11 (11,2)	53 (53,4)	32 (32,7)
V. Các hoạt động hỗ trợ dạy học					
Tài liệu trong thư viện đáp ứng nhu cầu giảng dạy của Thầy/ Cô	0 (0)	4 (4,1)	21 (21,4)	45 (45,9)	28 (28,6)
Tài liệu dạy học của module/ học phần đáp ứng yêu cầu của CTĐT và người học	0 (0)	1 (1,0)	16 (16,3)	51 (52)	30 (30,6)
Thầy/ Cô được tập huấn và hiểu rõ về xây dựng, rà soát, cải tiến CTĐT bác sĩ y khoa	0 (0)	0 (0)	4 (4,1)	47 (48)	47 (48)
Thầy/ Cô được tham gia xây dựng, rà soát, cải tiến CTĐT bác sĩ y khoa (tại Khoa/ Bộ môn)	0 (0)	0 (0)	4 (4,1)	41 (41,8)	53 (53,4)
Tải trọng giảng dạy của Thầy/ Cô trong CTĐT là phù hợp	0 (0)	2 (2,0)	13 (13,3)	50 (51)	33 (33,7)
Thầy/ Cô kịp thời điều chỉnh chất lượng giảng dạy khi nhận phản hồi	0 (0)	1 (1,0)	5 (5,1)	48 (49)	44 (44,9)

Phần lớn giảng viên đánh giá hài lòng trở lên về các nội dung đánh giá liên quan đến chương trình đào tạo. Những mục còn giảng viên chưa hài lòng điển hình liên quan đến “Sĩ số lớp học” và “Trang thiết bị thực hành”.

Bảng 2. Điểm trung bình hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo

Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá $\bar{X} \pm SD$
I. Chuẩn đầu ra của CTĐT	4,44 $\pm$ 0,55
Thể hiện tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của trường	4,49 $\pm$ 0,56
Dựa trên chuẩn năng lực Bác sĩ y khoa của Bộ Y tế	4,46 $\pm$ 0,61
CĐR phù hợp với mục tiêu đào tạo	4,41 $\pm$ 0,64
CĐR nêu rõ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, mức tự chủ người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp	4,39 $\pm$ 0,63
II. Bản mô tả CTĐT	4,42 $\pm$ 0,61
Được công khai để người học và các bên liên quan có thể tiếp cận	4,57 $\pm$ 0,61
Cung cấp thông tin để người học hiểu về CTĐT	4,51 $\pm$ 0,64
Cung cấp thông tin để nhà tuyển dụng hiểu về các năng lực người học được trang bị thông qua CTĐT	4,32 $\pm$ 0,78

Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá $\bar{X} \pm SD$
Thể hiện các chuẩn đầu ra và cách thức đạt được chuẩn đầu ra	4,32 $\pm$ 0,71
III. Cấu trúc và nội dung CTĐT	4,26 $\pm$ 0,59
Nội dung CTĐT có tỷ lệ hợp lý giữa KHCB, YHCS, YHLS	4,11 $\pm$ 0,81
Nội dung CTĐT có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành/ lâm sàng	4,10 $\pm$ 0,81
Khối lượng module/học phần, tín chỉ của CTĐT phù hợp	4,09 $\pm$ 0,80
Phân bố các module/học phần theo năm phù hợp	4,31 $\pm$ 0,63
Các module/HP trong CTĐT có sự gắn kết nhau	4,26 $\pm$ 0,75
Mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng cho việc đạt CĐR của CTĐT	4,39 $\pm$ 0,65
Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp lượng giá đáp ứng CĐR	4,44 $\pm$ 0,61
CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra, được đổi mới, tích hợp, cập nhật	4,40 $\pm$ 0,65
IV. Tổ chức dạy học và lượng giá	3,99 $\pm$ 0,66
Sĩ số lớp học lý thuyết thuận lợi cho dạy học tích cực	3,62 $\pm$ 1,0
Cơ sở vật chất lớp học thuận lợi cho dạy học tích cực	3,85 $\pm$ 0,87
Sĩ số lớp học thực hành/ lâm sàng hợp lý	3,70 $\pm$ 0,99
Trang thiết bị thực hành/ lâm sàng phù hợp	3,74 $\pm$ 1,02
Phương pháp giảng dạy của Thầy/ Cô đáp ứng chuẩn đầu ra	4,11 $\pm$ 0,73
Tiêu chí lượng giá được thông báo từ đầu khóa học cho sinh viên	4,38 $\pm$ 0,72
Thầy/ Cô sử dụng đa dạng phương pháp và thời điểm lượng giá	4,18 $\pm$ 0,73
Lượng giá bao quát được chuẩn đầu ra module/ học phần	4,11 $\pm$ 0,81
Kết quả lượng giá được phản hồi kịp thời cho sinh viên	4,16 $\pm$ 0,74
V. Các hoạt động hỗ trợ dạy học	4,26 $\pm$ 0,55
Tài liệu trong thư viện đáp ứng nhu cầu giảng dạy của Thầy/ Cô	3,99 $\pm$ 0,81
Tài liệu dạy học của module/ học phần đáp ứng yêu cầu của CTĐT và người học	4,12 $\pm$ 0,70
Thầy/ Cô được tập huấn và hiểu rõ về xây dựng, rà soát, cải tiến CTĐT bác sĩ y khoa	4,44 $\pm$ 0,57
Thầy/ Cô được tham gia xây dựng, rà soát, cải tiến CTĐT bác sĩ y khoa (tại Khoa/ Bộ môn)	4,50 $\pm$ 0,57
Tải trọng giảng dạy của Thầy/ Cô trong CTĐT là phù hợp	4,16 $\pm$ 0,72
Thầy/ Cô kịp thời điều chỉnh chất lượng giảng dạy khi nhận phản hồi	4,38 $\pm$ 0,63
Hài lòng chung	4,27 $\pm$ 0,55

Điểm hài lòng chung của giảng viên về CTĐT là 4,27 $\pm$ 0,55, trong đó về “Chuẩn đầu ra” là 4,44 $\pm$ 0,55, về “Tổ chức dạy học và lượng giá” là 3,99 $\pm$ 0,66. Khi chia theo giới chúng tôi nhận thấy điểm hài lòng của giảng viên về CTĐT không có sự khác biệt theo giới.

Bảng 3. Điểm trung bình hài lòng của giảng viên về CTĐT theo lĩnh vực giảng dạy

Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá $\bar{X} \pm SD$		p
	Tiền lâm sàng (n=46)	Lâm sàng (n=52)	
Chuẩn đầu ra của CTĐT	4,51 $\pm$ 0,52	4,37 $\pm$ 0,57	0,248
Bản mô tả CTĐT	4,57 $\pm$ 0,52	4,30 $\pm$ 0,66	0,031
Cấu trúc và nội dung CTĐT	4,31 $\pm$ 0,58	4,22 $\pm$ 0,63	0,48
Tổ chức dạy học và lượng giá	4,08 $\pm$ 0,58	3,90 $\pm$ 0,71	0,195
Các hoạt động hỗ trợ dạy học	4,39 $\pm$ 0,47	4,16 $\pm$ 0,60	0,039
Hài lòng chung	4,37 $\pm$ 0,43	4,19 $\pm$ 0,58	0,094

Điểm trung bình hài lòng về các mục “Bản mô tả CTĐT”, “Các hoạt động hỗ trợ dạy học” của nhóm giảng viên khối tiền lâm sàng cao hơn so với nhóm giảng viên khối lâm sàng.

Bảng 4. Điểm trung bình hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo theo vị trí công tác

Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá $\pm SD$			p
	Trường/Phó đơn vị (n=36)	Giáo vụ (n=13)	Giảng viên (n=49)	
Chuẩn đầu ra của CTĐT	4,42 $\pm$ 0,45	4,56 $\pm$ 0,54	4,42 $\pm$ 0,62	0,703
Bản mô tả CTĐT	4,31 $\pm$ 0,59	4,42 $\pm$ 0,68	4,46 $\pm$ 0,62	0,833
Cấu trúc và nội dung CTĐT	4,17 $\pm$ 0,56	4,18 $\pm$ 0,53	4,36 $\pm$ 0,63	0,309
Tổ chức dạy học và lượng giá	3,86 $\pm$ 0,62	3,92 $\pm$ 0,50	4,10 $\pm$ 0,71	0,238
Các hoạt động hỗ trợ dạy học	4,17 $\pm$ 0,47	4,29 $\pm$ 0,41	4,33 $\pm$ 0,63	0,399
Hài lòng chung	4,20 $\pm$ 0,47	4,27 $\pm$ 0,39	4,33 $\pm$ 0,58	0,502

Điểm hài lòng của giảng viên về CTĐT không có sự khác biệt theo vị trí công tác.

Bảng 5. Điểm trung bình hài lòng của giảng viên về CTĐT theo học hàm, học vị.

Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá $\pm SD$				p
	GS/PGS (n=8)	TS (n=21)	BSC/KII (n=9)	ThS (n=60)	
Chuẩn đầu ra của CTĐT	4,22 $\pm$ 0,68	4,55 $\pm$ 0,45	4,53 $\pm$ 0,47	4,41 $\pm$	0,495
Bản mô tả CTĐT	3,97 $\pm$ 0,69	4,50 $\pm$ 0,52	4,56 $\pm$ 0,48	4,44 $\pm$ 0,60	0,159
Cấu trúc và nội dung CTĐT	3,91 $\pm$ 0,90	4,27 $\pm$ 0,63	4,32 $\pm$ 0,55	4,30 $\pm$ 0,54	0,377
Tổ chức dạy học và lượng giá	3,72 $\pm$ 0,88	3,89 $\pm$ 0,67	4,11 $\pm$ 0,65	4,03 $\pm$ 0,65	0,516
Các hoạt động hỗ trợ dạy học	4,00 $\pm$ 0,61	4,24 $\pm$ 0,47	4,33 $\pm$ 0,46	4,30 $\pm$ 0,58	0,525
Hài lòng chung	3,96 $\pm$ 0,72	4,29 $\pm$ 0,49	4,37 $\pm$ 0,43	4,30 $\pm$ 0,51	0,357

(GS/PGS: Giáo sư/Phó giáo sư, TS: Tiến sĩ, BSC/KII: Bác sĩ chuyên khoa II, ThS: Thạc sĩ)

Điểm hài lòng của giảng viên về CTĐT không có sự khác biệt theo học hàm, học vị.

Bảng 6. Mối tương quan giữa điểm trung bình hài lòng của giảng viên về CTĐT với tuổi và số năm giảng dạy.

Nội dung đánh giá	Tương quan với tuổi		Tương quan với số năm giảng dạy	
	r	p	r	p
Chuẩn đầu ra của CTĐT	- 0,180	0,077	- 0,179	0,078
Bản mô tả CTĐT	- 0,183	0,071	- 0,208	0,04
Cấu trúc và nội dung CTĐT	- 0,241	0,017	- 0,278	0,006
Tổ chức dạy học và lượng giá	- 0,092	0,368	- 0,149	0,142
Các hoạt động hỗ trợ dạy học	- 0,147	0,149	- 0,188	0,064
Hài lòng chung	- 0,190	0,06	- 0,228	0,024

Điểm hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo có xu hướng tương quan nghịch, mức độ yếu với tuổi và số năm giảng dạy.

4. BÀN LUẬN

Kết quả thu được từ Bảng 3.1 cho thấy giảng viên hài lòng cao về chương trình đào tạo, đặc biệt về “Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo” không có giảng viên nào đánh giá ở mức không hài lòng, kết quả ở Bảng 3.2 cũng thể hiện điểm trung bình hài lòng về mục này cũng có giá trị cao nhất. Điều này cho thấy hướng tiếp cận đào tạo y khoa dựa trên năng lực chú trọng vào đầu ra của người học đã được thiết kế đúng nguyên lý, có đầu ra rõ ràng, hợp lý. Nghiên cứu của Nagar và cs cũng nhận thấy giảng viên đánh giá chương trình đào tạo y khoa dựa trên năng lực có mục tiêu rõ ràng, cấu trúc chặt chẽ và tài liệu biên soạn tốt hơn [7]. Về “Bản mô tả chương trình đào tạo” cũng được giảng viên hài lòng cao, có tỷ lệ rất thấp giảng viên không hài lòng về việc nhà tuyển dụng có thể tiếp cận bản mô tả này. Đây cũng là thực trạng chung, vì nhà tuyển dụng thường ít có thời gian nghiên cứu về chương trình, họ thường quan tâm nhiều đến chất lượng đầu ra của người học. Về “Tổ chức dạy học và lượng giá” cũng có giảng viên đánh giá ở mức không hài lòng trở xuống, cùng với đó điểm trung bình hài lòng ở mục này cũng thấp nhất, trong đó tiểu mục “Sĩ số lớp học” và “Trang thiết bị thực hành” có mức đánh giá thấp hơn cả. Điều này cũng phản ánh thực trạng đào tạo y khoa hiện nay nói chung và tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nói riêng, với số sinh viên mỗi khóa học khoảng 500 sinh viên, lực lượng giảng viên có phần quá tải. Thêm vào đó các trường đều theo xu thế tự chủ ở mức nhất định nên số sinh viên mỗi lớp học lý thuyết và thực hành còn đông, cơ sở thực hành bên cạnh là các phòng thí nghiệm, mô phỏng tại trường thì thực hành lâm sàng chủ yếu trên bệnh nhân tại các bệnh viện thực hành. Cơ sở vật chất chưa theo kịp hoàn toàn nhu cầu dạy học tích cực theo nhóm nhỏ [6]. Các kết quả từ Bảng 3.3 đến Bảng 3.5 cho thấy sự hài lòng của giảng viên về chương trình đào tạo cơ bản không có sự khác biệt theo vị trí công tác, trình độ chuyên môn, lĩnh vực giảng dạy. Như vậy, nghiên cứu này chưa ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo các đặc điểm được khảo

sát. Giảng viên là nam hay nữ, ở vị trí trưởng phó đơn vị hay giảng viên, Giáo sư hay Tiến sĩ, Thạc sĩ họ đều có quan điểm khá tương đồng nhau về chương trình đào tạo. Riêng ở mục “Bản mô tả chương trình đào tạo” và “Các hoạt động hỗ trợ dạy học” điểm hài lòng của nhóm giảng viên khối Tiền lâm sàng cao hơn khối Lâm sàng (lần lượt $p = 0,031$, $p = 0,039$). Điều này có thể liên quan đến môi trường làm việc của giảng viên khối lâm sàng tại bệnh viện nên họ có thể áp lực hơn và chấm điểm khắt khe hơn, đây là giả thuyết cũng cần được nghiên cứu thêm. Số liệu ở Bảng 3.6 chỉ ra điểm hài lòng về chương trình đào tạo có xu hướng tương quan nghịch mức độ yếu với tuổi và số năm giảng dạy của giảng viên. Như vậy những giảng viên lâu năm họ có mức độ hài lòng về chương trình đào tạo thấp hơn so với giảng viên trẻ hơn. Thực tế khi bắt đầu triển khai chương trình đào tạo đối mới dựa trên năng lực, các giảng viên lâu năm đã có nhiều kinh nghiệm, có truyền thống đào tạo các thế hệ bác sĩ, họ có những hoài nghi về khả năng thực thi cũng như giá trị ưu việt hơn mà chương trình đào tạo bác sĩ y khoa dựa trên năng lực có thể đem lại cho người học và cho nhu cầu xã hội. Trong khi đó những giảng viên trẻ họ có thể thích ứng nhanh hơn với những đổi mới trong chương trình đào tạo. Nhận xét của chúng tôi cũng phù hợp với nghiên cứu của Sharkas và cộng sự về sự hài lòng của đội ngũ giảng viên y khoa ở nhiều quốc gia khác nhau đối với chương trình đào tạo y khoa tích hợp [8]. Tuy vậy, nghiên cứu còn hạn chế về số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu, với số lượng cao hơn thống kê sẽ có ý nghĩa hơn.

5. KẾT LUẬN

Điểm hài lòng chung về chương trình đào tạo của giảng viên là $4,27 \pm 0,55$, trong đó hài lòng về “Chuẩn đầu ra” có điểm cao nhất, về “Tổ chức dạy học và lượng giá” có điểm thấp nhất lần lượt là $4,44 \pm 0,55$ và $3,99 \pm 0,66$, điểm hài lòng không có sự khác biệt theo vị trí công tác, trình độ chuyên môn, lĩnh vực giảng dạy. Riêng ở mục “Bản mô tả chương trình đào tạo” và “Các hoạt động hỗ trợ dạy học” điểm hài lòng của nhóm giảng viên khối Tiền lâm sàng cao hơn khối Lâm sàng. Điểm hài lòng về chương trình đào tạo có xu hướng tương quan nghịch mức độ yếu với tuổi và số năm giảng dạy của giảng viên.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bhattacharya, S, “Competency-based medical education: An overview,” *Annals of Medical Science & Research*, vol. 2, no. 3, p. 132, Dec. 2023, doi: 10.4103/amsr.amsr_27_23.
- [2] Ai Li E, C. Wilson A, Davidson J et al., “Exploring Perceptions of Competency-Based Medical Education in Undergraduate Medical Students and Faculty: A Program Evaluation,” *Adv Med Educ Pract*, vol. 14, pp. 381–389, 2023, doi: 10.2147/AMEP.S399851.
- [3] Đào Thu Hồng, Lê Thị Kim Xuyên, Đào Thu Hằng và cs., “Sự hài lòng của sinh viên y khoa năm 6 về chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2025,” *Tập 3, số 2 2*, tr. 148–148, Tháng 8. 2025, doi: 10.59070/jhs030225025.
- [4] Ramanathan R, Shanmugam J, Sridhar MG, et al., Exploring faculty perspectives on competency-based medical education: A report from India. *J Educ Health Promot*. 2021 Oct 29;10:402. doi: 10.4103/jehp.jehp_1264_20.
- [5] Pimentel J.L, “Some Biases in Likert Scaling Usage and its Correction,” *International Journal of Sciences*, vol. 45, no. 1, 2019.
- [6] Cao Nguyễn Hoài Thương, Lê Văn Tĩnh, Hồ Nguyễn Anh Tuấn và cs. Đánh giá của giảng viên về chương trình đào tạo khối ngành sức khỏe tại các trường đại học ở Việt Nam đạt chuẩn AUN – QA. *Vietnam Journal of Community Medicine*, 2024, Tập 65, số 2, 240-247.
- [7] Nagar N.S, Nagar S.S, “Qualitative assessment of faculty’s perspectives regarding effective implementation of competency-based medical education,” *Indian Journal of Community and Family Medicine*, vol. 11, no. 1, p. 69, Jun. 2025, doi: 10.4103/ijcfm.ijcfm_13_24.
- [8] Sharkas, G.F., El-Masry, R., Abdel-Ghany, S. et al, Satisfaction of academic medical staff with integrated medical curriculum: an exploratory multinational survey. *BMC Med Educ* 24, 1483 (2024). <https://doi.org/10.1186/s12909-024-06468-x>